



## BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày:

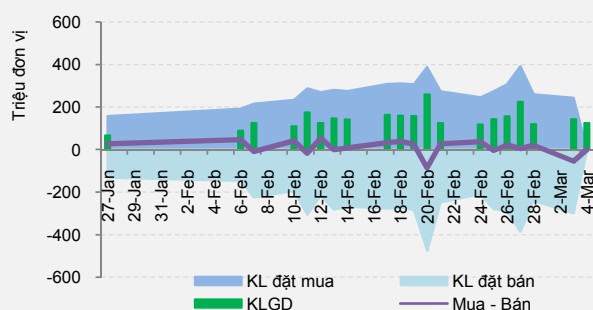
4/3/2014

| Thông kê thị trường | HOSE        | HNX         |
|---------------------|-------------|-------------|
| Index               | 570.0       | 80.4        |
| % Thay đổi          | ↓ -0.6%     | ↓ -0.1%     |
| KLGD (CP)           | 125,571,957 | 71,919,264  |
| GTGD (tỷ đồng)      | 1,958.47    | 675.93      |
| Tổng cung (CP)      | -           | 105,583,900 |
| Tổng cầu (CP)       | -           | 118,709,000 |

| Giao dịch NĐTNN   | HOSE      | HNX       |
|-------------------|-----------|-----------|
| KL bán (CP)       | 9,997,160 | 3,449,736 |
| KL mua (CP)       | 4,776,590 | 1,847,200 |
| GTmua (tỷ đồng)   | 132.48    | 19.38     |
| GT bán (tỷ đồng)  | 265.80    | 40.12     |
| GT ròng (tỷ đồng) | (133.32)  | (20.75)   |

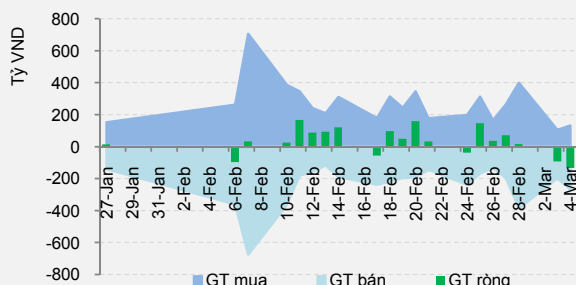
## Tương quan cung cầu

HOSE



## Giá trị Giao dịch NĐTNN

HOSE



| Nghành Cấp 1        | % thay đổi | P/E   | P/B | %GTGD |
|---------------------|------------|-------|-----|-------|
| Công nghệ Thông tin | ↓ -0.53%   | 8.9   | 2.0 | 4.1%  |
| Công nghiệp         | ↑ 0.59%    | 334.4 | 1.3 | 22.6% |
| Dầu khí             | ↓ -1.26%   | 8.6   | 1.9 | 3.9%  |
| Dịch vụ Tiêu dùng   | ↓ -0.43%   | 15.2  | 2.2 | 1.7%  |
| Dược phẩm và Y tế   | ↑ 0.34%    | 10.6  | 3.1 | 0.9%  |
| Hàng Tiêu dùng      | ↓ -0.82%   | 13.4  | 4.9 | 8.9%  |
| Ngân hàng           | ↓ -0.50%   | 14.2  | 1.3 | 12.3% |
| Nguyên vật liệu     | ↓ -0.53%   | 11.5  | 2.2 | 6.8%  |
| Tài chính           | ↓ -0.76%   | 16.5  | 2.4 | 34.5% |
| Tiện ích Cộng đồng  | ↓ -0.43%   | 11.4  | 4.1 | 4.2%  |
| VN - Index          | ↓ -0.59%   | 14.2  | 3.0 | 74.4% |
| HNX - Index         | ↓ -0.14%   | 20.2  | 1.6 | 25.6% |

## Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE

|               | Mua     | %    | Bán       | %    |
|---------------|---------|------|-----------|------|
| KLGD (CP)     | 731,740 | 0.5% | 1,393,640 | 1.0% |
| GTGD (tỷ VND) | 18,707  | 0.8% | 27,649    | 1.2% |

## PHẢN ỨNG TẠI NGƯỠNG HỖ TRỢ KỸ THUẬT - ĐÀ GIẢM CHỮNG LẠI

**Nhận định:** Chỉ số VN-Index đã có hai lần phản ứng thành công với ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật 565 điểm. VN-Index đóng cửa phục hồi đáng kể so với mức thấp nhất, tương đương với mức giá mở cửa và về sát đường MA20. Chỉ số HNX-Index cũng tăng điểm trở lại khi tiếp cận mốc hỗ trợ của đường MA20. Dòng tiền tập trung tại nhóm mã cổ phiếu midcap và penny đã giảm điểm sâu. Lực cầu tại nhóm cổ phiếu Bluechips dự kiến chịu áp lực bán trong kỳ tái cơ cấu sắp tới của quỹ ETF còn hạn chế.

Chúng tôi duy trì quan điểm thị trường vẫn đang trong xu hướng điều chỉnh giảm tại ngưỡng cản kỹ thuật. Vùng hỗ trợ gần nhất của VN-Index là khoảng 560-565 điểm. Vùng hỗ trợ mạnh hơn là mốc 550 điểm. Vùng hỗ trợ đối với HNX-Index là khoảng 76-78 điểm. Chúng tôi chưa có quan ngại về xu hướng thị trường trong trung dài hạn.

Nhà đầu tư trung dài hạn có thể xem xét tích lũy cổ phiếu Bluechips ở những phiên/thời điểm thị trường giảm mạnh. Đối với nhà đầu tư ngắn hạn, tỷ trọng margin cao, nên hạ tỷ lệ margin, nhằm chủ động với xu hướng điều chỉnh của thị trường.

- Chỉ số VN-Index giảm 3.41 điểm (0.59%), xuống 569.97 điểm. Mức thấp nhất thiết lập trong phiên là 563.55 điểm.

- Chỉ số HNX-Index giảm 0.11 điểm (0.14%), xuống 80.35 điểm. Mức thấp nhất trong phiên là 79.15 điểm, tương đương đường MA20.

- Tại Hội nghị triển khai nhiệm vụ tái cơ cấu DNNN 2014 – 2015, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ, ngành, địa phương, DNNN quyết liệt thực hiện các giải pháp đồng bộ nhằm cổ phần hóa 432 DNNN trong giai đoạn 2014-2015 theo phương án đã phê duyệt. Để đẩy nhanh tốc độ cổ phần hóa, đối với việc thoái vốn tại các công ty đầu tư tài chính, các NHTM của các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, có thể giao các NHTM Nhà nước mua lại hoặc chuyển NHNN Việt Nam làm đại diện chủ sở hữu. Với quyết định này, các khoản đầu tư kém hiệu quả có thể được đưa ra khỏi bảng CĐKT của doanh nghiệp với mức giá được xác định không quá khắt khe.

- Hiện có 63/91 tập đoàn, tổng công ty Nhà nước được phê duyệt đề án tái cơ cấu trong năm 2013. Trong số các doanh nghiệp lớn thực hiện IPO trong năm nay, đáng chú ý có Tổng Công ty Hàng không Việt Nam Vietnam Airlines, Tập đoàn Dệt may Việt Nam Vinatex. Theo thông báo của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội HNX, trong tháng 3 có 10 doanh nghiệp, tổng công ty Nhà nước thực hiện IPO, với tổng giá trị huy động theo giá khởi điểm là 1.651 tỷ đồng.

- Tổng thống Nga đã ra lệnh cho binh lính ở phía Tây nước Nga, gần biên giới Ukraine, trở về căn cứ sau khi kết thúc tập trận. Theo đó, binh lính Nga đã có cuộc diễn tập quân kết thúc vào ngày 3/3 và không liên quan tới các diễn biến tại Ukraine. Thông tin này khiến giá vàng giảm mạnh sau diễn biến tăng nóng trước đó, khi Thượng viện Nga cho phép Nga can thiệp quân sự vào bán đảo Crimea của Ukraine theo đề nghị của Tổng thống bị phe trúa của nước này và để bảo vệ hạm đội Biển Đen và đa số người dân Nga tại đây.



## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

## VN-INDEX



| Minor Trend | Short term trend | Intermediate Trend |
|-------------|------------------|--------------------|
| Giảm        | Trung tính       | Tăng               |

## Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



| Minor Trend | Short term trend | Intermediate Trend |
|-------------|------------------|--------------------|
| Giảm        | Trung tính       | Tăng               |

## Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- Chỉ số VN-Index giảm 3.41 điểm (0.59%), xuống 569.97 điểm. Mức thấp nhất thiết lập trong phiên là 563.55 điểm.

- KLGD tăng 13% so phiên trước, xuống 122 triệu đơn vị. Tốc độ khớp lệnh tăng nhanh hơn khi thị trường giảm sâu.

- Chỉ số RSI14 tiếp tục giảm xuống mức 55 điểm. MACD 9 ngày giảm xuống dưới đường tín hiệu, chỉ báo về xu hướng điều chỉnh.

**Nhận định:** Chỉ số VN-Index đã có hai lần phản ứng thành công với ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật 565 điểm. Chỉ số VN-Index đóng cửa phục hồi đáng kể so với mức thấp nhất, tương đương với mức giá mở cửa và về sát đường MA20. Dòng tiền tập trung tại nhóm mã cổ phiếu midcap và penny đã giảm điểm sâu. Lực cầu tại nhóm cổ phiếu Bluechips dự kiến chịu áp lực bán trong kỳ tái cơ cấu sắp tới của quỹ ETF còn hạn chế.

Lực cầu bắt đáy giá thấp lớn cho tín hiệu tích cực về dòng tiền tham gia thị trường. Tuy nhiên, dòng tiền tập trung vào một nhóm cổ phiếu vừa và nhỏ, áp lực bán nhanh chóng xuất hiện tại mức giá xanh cho thấy quan điểm thận trọng lướt sóng giảm giá vốn vẫn phổ biến. Diễn biến kém tích cực của nhóm cổ phiếu Bluechips cũng là yếu tố ảnh hưởng đến chỉ số chung. **Chúng tôi duy trì quan điểm thị trường vẫn đang trong xu hướng điều chỉnh giảm. Vùng hỗ trợ gần nhất của VN-Index là khoảng 560-565 điểm. Vùng hỗ trợ mạnh hơn là mốc 550 điểm. Chúng tôi chưa có quan ngại về xu hướng thị trường trong trung dài hạn.**

Nhà đầu tư trung dài hạn có thể xem xét mua vào cổ phiếu Bluechips ở những phiên thị trường giảm mạnh. Đối với nhà đầu tư ngắn hạn, tỷ trọng margin cao, nên hạ tỷ lệ margin, nhằm chủ động với xu hướng điều chỉnh của thị trường.

## HNX-INDEX

- Chỉ số HNX-Index giảm 0.11 điểm (0.14%), xuống 80.35 điểm. Mức thấp nhất trong phiên là 79.15 điểm, tương đương đường MA20.

- KLGD giảm 21% so với phiên trước, xuống 70 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI14 tiếp tục giảm xuống 60 điểm, tâm lý nhà đầu tư thận trọng. Đường MACD 9 vẫn nổi rộng khoảng cách phía dưới đường tín hiệu.

**Nhận định:** Chỉ số HNX-Index tăng điểm trở lại khi tiếp cận mốc hỗ trợ đường MA20. Lực cầu bắt đáy tập trung tại nhóm cổ phiếu vừa và nhỏ thuộc ngành chứng khoán, xây dựng, BĐS. Nhóm cổ phiếu liên quan đến hoạt động tái cơ cấu của quỹ ETF vẫn chịu áp lực bán ra.

Lực cầu bắt đáy giá thấp lớn cho tín hiệu tích cực về dòng tiền tham gia thị trường. Tuy nhiên, dòng tiền tập trung vào một nhóm cổ phiếu vừa và nhỏ, áp lực bán nhanh chóng xuất hiện tại mức giá xanh cho thấy quan điểm thận trọng lướt sóng giảm giá vốn vẫn phổ biến. Thị trường vẫn đang trong xu hướng điều chỉnh giảm tại ngưỡng cản kỹ thuật. Các chỉ báo động lực thị trường như RSI, DI+ vẫn đang liên tiếp cho tín hiệu phân kỳ với chỉ số giá cho tín hiệu tiêu cực về xu hướng. Ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật của HNX-Index là khoảng 76-78 điểm.

Nhà đầu tư trung dài hạn có thể xem xét mua vào cổ phiếu Bluechips ở những phiên thị trường giảm mạnh. Đối với nhà đầu tư ngắn hạn, tỷ trọng margin cao, nên hạ tỷ lệ margin, nhằm chủ động với xu hướng điều chỉnh của thị trường.

**TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN Q4.2013 SO VỚI CÙNG KỲ**

| STT | Mã         | Sàn  | Doanh thu Q4 | % DT so Q4.2012 | LNST Q4 (tỷ) | % LN so Q4.2012 | DT 2013 (tỷ) | % DT so 2012 | LNST 2013 (tỷ) | % LN so 2012 | LN 2013 so KH | Tỷ lệ SHNN (%) |
|-----|------------|------|--------------|-----------------|--------------|-----------------|--------------|--------------|----------------|--------------|---------------|----------------|
| 1   | <b>SD7</b> | HNX  | 343.78       | 236.0%          | 4.7          | <b>47100.0%</b> | 760.25       | -5.1%        | 7.97           | 142.4%       | 17.1%         | 2.87           |
| 2   | <b>PXL</b> | HOSE | 2.8          | -65.0%          | 10.01        | <b>19920.0%</b> | 24.57        | -69.3%       | -5.45          | -2968.4%     | -51.2%        | 0.20           |
| 3   | <b>ASP</b> | HOSE | 569.88       | 10.7%           | 10.93        | <b>10830.0%</b> | 1970.76      | -1.1%        | 20.2           | -19.8%       | 72.1%         | 13.11          |
| 4   | <b>PXI</b> | HOSE | 256.85       | 28.2%           | 17.97        | <b>5515.6%</b>  | 683.2        | -19.3%       | 15.03          | 78.5%        | 38.5%         | 3.08           |
| 5   | <b>KTB</b> | HOSE | 16.14        | -11.9%          | 1.68         | <b>5500.0%</b>  | 50.16        | -35.9%       | 1.75           | -95.7%       | 5.8%          | 2.56           |
| 6   | <b>FDC</b> | HOSE | 194.57       | 627.4%          | 240.48       | <b>2999.0%</b>  | 244.3        | 55.9%        | 254.58         | 752.0%       | 636.5%        | 0.16           |
| 7   | <b>VRC</b> | HOSE | 42.95        | 363.3%          | 3.73         | <b>2969.2%</b>  | 100.02       | 13.7%        | 1.54           | 1000.0%      | 21.1%         | 0.50           |
| 8   | <b>KMR</b> | HOSE | 68.79        | 11.8%           | 5.97         | <b>2942.9%</b>  | 337.28       | -3.1%        | 20.16          | 474.4%       | 163.2%        | 18.91          |
| 9   | <b>ITA</b> | HOSE | -36.58       | -117.6%         | 31.7         | <b>2319.8%</b>  | -15.13       | -141.7%      | 45.11          | 36.8%        | 57.8%         | 15.73          |
| 10  | <b>VTO</b> | HOSE | 362.62       | -12.3%          | 20.37        | <b>2163.3%</b>  | 1564.15      | -4.7%        | 43.81          | -11.1%       | 605.9%        | 2.19           |

**TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN 2013 SO 2012**

| STT | Mã         | Sàn  | Doanh thu Q4 | % DT so Q4.2012 | LNST Q4 (tỷ) | % LN so Q4.2012 | DT 2013 (tỷ) | % DT so 2012 | LNST 2013 (tỷ) | % LN so 2012   | LN 2013 so KH | Tỷ lệ SHNN (%) |
|-----|------------|------|--------------|-----------------|--------------|-----------------|--------------|--------------|----------------|----------------|---------------|----------------|
| 1   | <b>DHC</b> | HOSE | 135.56       | 26.0%           | 9.35         | 91.6%           | 454.35       | 33.3%        | 27.05          | <b>1165.0%</b> | 158.7%        | 1.12           |
| 2   | <b>APG</b> | HNX  | 4.67         | 183.0%          | 2.87         | 171.4%          | 11.83        | 54.6%        | 4.81           | <b>1073.2%</b> | 74.0%         | 0.04           |
| 3   | <b>VRC</b> | HOSE | 42.95        | 363.3%          | 3.73         | 2969.2%         | 100.02       | 13.7%        | 1.54           | <b>1000.0%</b> | 21.1%         | 0.50           |
| 4   | <b>CMI</b> | HNX  | 29.66        | 446.2%          | 12.3         | 261.4%          | 52.88        | 63.8%        | 13.09          | <b>869.6%</b>  | 55.7%         | 0.05           |
| 5   | <b>FDC</b> | HOSE | 194.57       | 627.4%          | 240.48       | 2999.0%         | 244.3        | 55.9%        | 254.58         | <b>752.0%</b>  | 636.5%        | 0.16           |
| 6   | <b>TCM</b> | HOSE | 645.39       | 25.1%           | 28.88        | 247.3%          | 2554.42      | 11.9%        | 123.52         | <b>712.7%</b>  | 136.7%        | 49.00          |
| 7   | <b>SCL</b> | HNX  | 93.23        | 857.2%          | 22.19        | 382.3%          | 213.26       | 217.7%       | 37.57          | <b>547.8%</b>  | 225.6%        | -              |
| 8   | <b>KLS</b> | HNX  | 40.5         | -12.9%          | 40.73        | -35.5%          | 167.65       | -30.6%       | 138.34         | <b>541.4%</b>  | 34.2%         | 6.22           |
| 9   | <b>VCG</b> | HNX  | 2921.87      | -41.1%          | 421.53       | 671.2%          | 11345.11     | -10.4%       | 544.75         | <b>523.4%</b>  | 152.1%        | 5.15           |
| 10  | <b>KMR</b> | HOSE | 68.79        | 11.8%           | 5.97         | 2942.9%         | 337.28       | -3.1%        | 20.16          | <b>474.4%</b>  | 163.2%        | 18.91          |

**TOP CỔ PHIẾU LỢI NHUẬN TUYỆT ĐỐI 2013 CAO NHẤT**

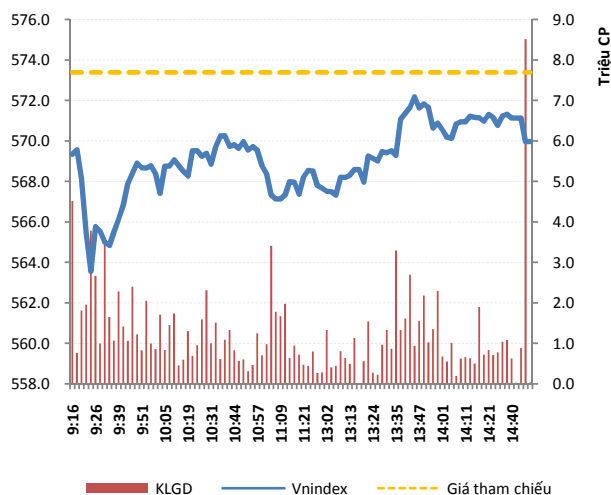
| STT | Mã         | Sàn  | Doanh thu Q4 | % DT so Q4.2012 | LNST Q4 (tỷ) | % LN so Q4.2012 | DT 2013 (tỷ) | % DT so 2012 | LNST 2013 (tỷ)  | % LN so 2012 | LN 2013 so KH | Tỷ lệ SHNN (%) |
|-----|------------|------|--------------|-----------------|--------------|-----------------|--------------|--------------|-----------------|--------------|---------------|----------------|
| 1   | <b>GAS</b> | HOSE | 16575.8      | 9.5%            | 2194.68      | -12.2%          | 65445.03     | -4.2%        | <b>12384.66</b> | 26.3%        | 161.0%        | 2.51           |
| 2   | <b>VIC</b> | HOSE | 6776.78      | 138.9%          | 799.95       | 264.9%          | 18377.3      | 132.5%       | <b>6756.01</b>  | 330.0%       | 90.1%         | 12.99          |
| 3   | <b>VNM</b> | HOSE | 8174.03      | 15.9%           | 1470.04      | -10.8%          | 30948.6      | 16.5%        | <b>6534.13</b>  | 12.3%        | 104.9%        | 49.00          |
| 4   | <b>DPM</b> | HOSE | 2361.45      | -17.4%          | 258.71       | -50.6%          | 10363.42     | -22.2%       | <b>2216.92</b>  | -26.5%       | 115.8%        | 29.86          |
| 5   | <b>HPG</b> | HOSE | 6460.28      | 52.5%           | 489.6        | 179.5%          | 18934.29     | 12.5%        | <b>1954.22</b>  | 96.6%        | 162.9%        | 45.57          |
| 6   | <b>PVD</b> | HOSE | 4467.94      | 26.4%           | 485.28       | 126.8%          | 14863.25     | 24.6%        | <b>1877.89</b>  | 29.7%        | 138.1%        | 40.65          |
| 7   | <b>PPC</b> | HOSE | 1736.95      | 40.4%           | 232.13       | -57.2%          | 6582.56      | 59.4%        | <b>1631.51</b>  | 223.2%       | 486.4%        | 12.57          |
| 8   | <b>FPT</b> | HOSE | 11283.43     | 12.6%           | 474.01       | 5.6%            | 41231.63     | 67.6%        | <b>1607.71</b>  | 4.4%         | 81.0%         | 49.00          |
| 9   | <b>PVS</b> | HNX  | 6096.13      | -4.6%           | 491.81       | 142.3%          | 25385.83     | 3.2%         | <b>1516.21</b>  | 35.6%        | 191.9%        | 25.65          |
| 10  | <b>BVH</b> | HOSE | 2040.45      | -6.7%           | 291.11       | -1.7%           | 8377.68      | -0.4%        | <b>1095.85</b>  | -18.7%       | 99.4%         | 24.40          |
| 11  | <b>REE</b> | HOSE | 729.9        | 10.6%           | 136.84       | -22.6%          | 2413.4       | 0.7%         | <b>975.79</b>   | 48.6%        | 150.1%        | 48.94          |
| 12  | <b>HAG</b> | HOSE | 755.13       | -56.4%          | 295.65       | 368.9%          | 2769.41      | -37.0%       | <b>901.81</b>   | 157.7%       | 108.6%        | 34.19          |

Ghi chú: Chỉ lọc những mã cổ phiếu có KLGD bình quân 30 phiên > 50.000. Tỷ lệ SHNN tính đến ngày 28/02/2014

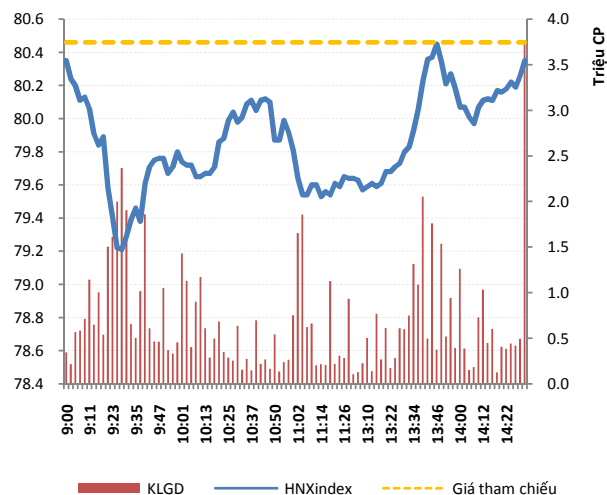


## THỐNG KÊ GIAO DỊCH

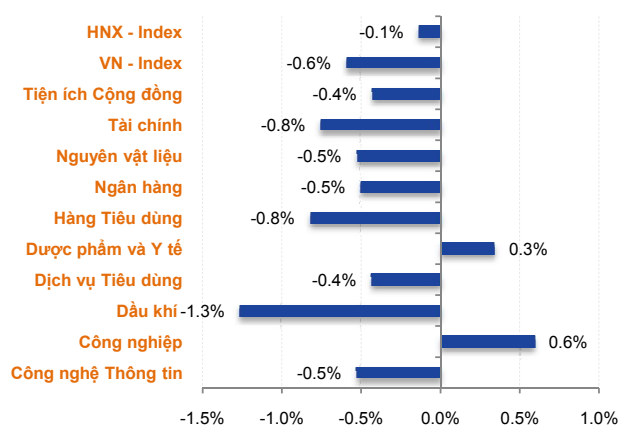
### KLGD và VN-Index trong phiên



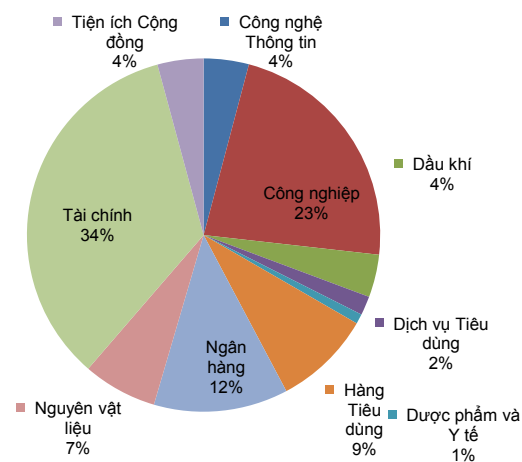
### KLGD và HNX-Index trong phiên



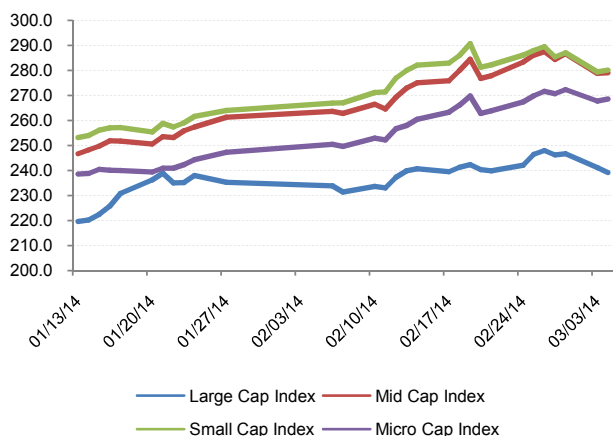
### Biến động giá phân theo nhóm Ngành



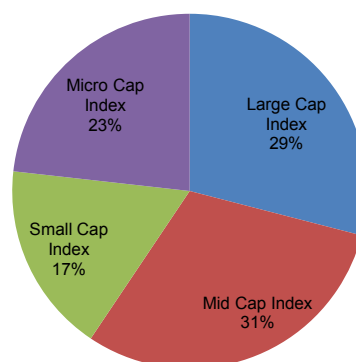
### Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



### Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



### Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



#### Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ  
 Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1  | BID   | 369,060     | ITA   | 1,795,990   |
| 2  | DXG   | 181,460     | HAG   | 1,598,910   |
| 3  | ITC   | 157,400     | DIG   | 327,930     |
| 4  | CTG   | 105,120     | IJC   | 300,180     |
| 5  | SBT   | 98,280      | HPG   | 252,930     |

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1  | PHH   | 184,300     | SHB   | 1,299,600   |
| 2  | SDH   | 158,900     | VCG   | 687,000     |
| 3  | APS   | 91,000      | PVS   | 154,200     |
| 4  | CSC   | 85,000      | VND   | 97,470      |
| 5  | SDD   | 50,000      | PVL   | 46,000      |

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng |   | %      | KLGD      |
|-----|------------|----------|---|--------|-----------|
| ITA | 7.9        | 7.8      | ↓ | -1.27% | 9,880,640 |
| FLC | 12.0       | 12.6     | ↑ | 5.00%  | 9,502,920 |
| LCG | 6.9        | 6.7      | ↓ | -2.90% | 6,860,530 |
| SSI | 24.7       | 25.0     | ↑ | 1.21%  | 4,776,130 |
| HAG | 26.0       | 25.6     | ↓ | -1.54% | 4,425,300 |

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng |   | %      | KLGD       |
|-----|------------|----------|---|--------|------------|
| SHB | 9.0        | 8.9      | ↓ | -1.11% | 15,151,500 |
| PVX | 4.4        | 4.5      | ↑ | 2.27%  | 10,844,250 |
| VCG | 14.3       | 14.8     | ↑ | 3.50%  | 5,393,922  |
| SCR | 8.7        | 8.7      | → | 0.00%  | 4,086,495  |
| KLS | 11.3       | 11.2     | ↓ | -0.88% | 3,645,400  |

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | %       |
|-----|------------|----------|-----|---------|
| DTT | 5.8        | 6.2      | 0.4 | ↑ 6.90% |
| HTL | 16.0       | 17.1     | 1.1 | ↑ 6.88% |
| IDI | 10.4       | 11.1     | 0.7 | ↑ 6.73% |
| CLP | 4.6        | 4.9      | 0.3 | ↑ 6.52% |
| SSC | 46.0       | 49.0     | 3.0 | ↑ 6.52% |

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | %        |
|-----|------------|----------|-----|----------|
| SDG | 18.9       | 20.9     | 2.0 | ↑ 10.58% |
| CVT | 16.0       | 17.6     | 1.6 | ↑ 10.00% |
| PV2 | 3.0        | 3.3      | 0.3 | ↑ 10.00% |
| WCS | 76.0       | 83.6     | 7.6 | ↑ 10.00% |
| NFC | 27.3       | 30.0     | 2.7 | ↑ 9.89%  |

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

| Mã     | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-  | %        |
|--------|------------|----------|------|----------|
| NVN    | 2.9        | 2.7      | -0.2 | ↓ -6.90% |
| ASIAGF | 10.2       | 9.5      | -0.7 | ↓ -6.86% |
| RDP    | 17.9       | 16.7     | -1.2 | ↓ -6.70% |
| CTI    | 13.5       | 12.6     | -0.9 | ↓ -6.67% |
| SCD    | 28.5       | 26.6     | -1.9 | ↓ -6.67% |

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-  | %        |
|-----|------------|----------|------|----------|
| YBC | 8.1        | 7.3      | -0.8 | ↓ -9.88% |
| PCG | 9.3        | 8.4      | -0.9 | ↓ -9.68% |
| BXH | 12.5       | 11.3     | -1.2 | ↓ -9.60% |
| L62 | 6.5        | 5.9      | -0.6 | ↓ -9.23% |
| DZM | 5.6        | 5.1      | -0.5 | ↓ -8.93% |

(\*) Giá điều chỉnh



## CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

## Top KLGD lớn nhất HOSE

| Mã  | KLGD      | ROE    | EPS     | P/E   | P/B |
|-----|-----------|--------|---------|-------|-----|
| ITA | 9,880,640 | 0.7%   | 74      | 106.0 | 0.7 |
| FLC | 9,502,920 | 7.9%   | 663     | 19.0  | 1.5 |
| LCG | 6,860,530 | -11.5% | (2,145) | -     | 0.4 |
| SSI | 4,776,130 | 8.0%   | 1,193   | 20.9  | 1.7 |
| HAG | 4,425,300 | 8.0%   | 1,372   | 18.7  | 1.4 |

## Top KLGD lớn nhất HNX

| Mã  | KLGD       | ROE     | EPS     | P/E   | P/B |
|-----|------------|---------|---------|-------|-----|
| SHB | 15,151,500 | 7.6%    | 854     | 10.4  | 0.8 |
| PVX | 10,844,250 | -115.4% | (5,275) | -     | 2.2 |
| VCG | 5,393,922  | 10.0%   | 1,233   | 12.0  | 1.2 |
| SCR | 4,086,495  | 0.4%    | 53      | 164.1 | 0.6 |
| KLS | 3,645,400  | 5.5%    | 716     | 15.6  | 0.8 |

## Top Đột biến giá HOSE

| Mã  | +/-%   | ROE    | EPS     | P/E   | P/B |
|-----|--------|--------|---------|-------|-----|
| DTT | ↑ 6.9% | 0.9%   | 121     | 51.3  | 0.5 |
| HTL | ↑ 6.9% | 22.2%  | 2,614   | 6.5   | 1.4 |
| IDI | ↑ 6.7% | 6.8%   | 994     | 11.2  | 0.7 |
| CLP | ↑ 6.5% | -93.4% | (9,849) | (0.5) | 0.9 |
| SSC | ↑ 6.5% | 27.7%  | 5,282   | 9.3   | 2.4 |

## Top Đột biến giá HNX

| Mã  | +/-%    | ROE    | EPS     | P/E   | P/B |
|-----|---------|--------|---------|-------|-----|
| SDG | ↑ 10.6% | 18.0%  | 2,906   | 10.4  | 1.2 |
| CVT | ↑ 10.0% | 15.3%  | 2,323   | 7.6   | 1.1 |
| PV2 | ↑ 10.0% | -40.2% | (3,610) | (0.9) | 0.5 |
| WCS | ↑ 10.0% | 34.2%  | 10,789  | 7.7   | 2.4 |
| NFC | ↑ 9.9%  | 32.3%  | 6,074   | 4.9   | 1.1 |

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

| Mã  | KL mua  | ROE    | EPS     | P/E  | P/B |
|-----|---------|--------|---------|------|-----|
| BID | 369,060 | 13.7%  | 1,553   | 10.7 | 1.4 |
| DXG | 181,460 | 13.9%  | 1,518   | 10.3 | 1.8 |
| ITC | 157,400 | -17.9% | (4,242) | -    | 0.4 |
| CTG | 105,120 | 13.2%  | 1,818   | 9.3  | 1.2 |
| SBT | 98,280  | 13.5%  | 1,746   | 7.2  | 1.0 |

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

| Mã  | KL mua  | ROE   | EPS   | P/E   | P/B |
|-----|---------|-------|-------|-------|-----|
| PHH | 184,300 | 0.3%  | 47    | 160.0 | 0.5 |
| SDH | 158,900 | -8.1% | (611) | -     | 0.9 |
| APS | 91,000  | 3.4%  | 285   | 17.2  | 0.6 |
| CSC | 85,000  | 2.6%  | 483   | 37.5  | 1.0 |
| SDD | 50,000  | 0.2%  | 18    | 243.6 | 0.4 |

## Top Vốn hóa HOSE

| Mã  | Vốn hóa | ROE   | EPS   | P/E   | P/B |
|-----|---------|-------|-------|-------|-----|
| GAS | 154,443 | 40.8% | 6,535 | 12.5  | 4.6 |
| VNM | 115,852 | 39.6% | 7,839 | 17.7  | 6.6 |
| MSN | 70,919  | 3.0%  | 611   | 157.8 | 4.7 |
| VCB | 69,059  | 10.3% | 1,878 | 15.9  | 1.6 |
| VIC | 66,853  | 47.7% | 7,380 | 10.0  | 3.8 |

## Top Vốn hóa HNX

| Mã  | Vốn hóa | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| ACB | 15,297  | 6.6%  | 886   | 18.7 | 1.2 |
| PVS | 12,106  | 21.0% | 3,568 | 7.6  | 1.5 |
| SQC | 8,602   | -1.5% | (188) | -    | 6.4 |
| SHB | 7,886   | 7.6%  | 854   | 10.4 | 0.8 |
| VCG | 6,537   | 10.0% | 1,233 | 12.0 | 1.2 |

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

| Mã  | Beta | ROE    | EPS      | P/E  | P/B   |
|-----|------|--------|----------|------|-------|
| DRH | 3.17 | 0.6%   | 62       | 61.2 | 0.4   |
| CMT | 3.03 | 7.0%   | 1,076    | 10.4 | 0.7   |
| PXM | 2.81 | 491.0% | (10,149) | -    | (0.2) |
| FCN | 2.24 | 20.9%  | 3,677    | 7.5  | 1.8   |
| HBC | 2.20 | 6.4%   | 1,266    | 16.7 | 1.0   |

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

| Mã  | Beta | ROE    | EPS     | P/E   | P/B   |
|-----|------|--------|---------|-------|-------|
| QCC | 4.12 | 1.9%   | 268     | 18.6  | 0.4   |
| GGG | 3.98 | 256.0% | (6,685) | -     | (0.3) |
| HPC | 3.52 | 5.5%   | 385     | 13.0  | 0.7   |
| ITQ | 3.21 | 2.5%   | 266     | 20.7  | 0.5   |
| S96 | 3.10 | 0.1%   | 10      | 405.4 | 0.6   |





---

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

**Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

**Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm  
Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết  
Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: (84-4)-3818 1888  
Fax: (84-4)-3818 1688

**Chi nhánh Hồ Chí Minh**

141-143 Hàm Nghi, P. Nguyễn  
Thái Bình, Quận I  
Tel: (84-8)-3915 1368  
Fax: (84-8)-3915 1369

**Chi nhánh Đà Nẵng**

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà  
Nẵng  
Tel: (84-511)-352 5777  
Fax: (84-511)-352 5779

---

**Website:** [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

*Người thực hiện:*

**Đoàn Thị Ánh Nguyệt**  
[nguyet.dta@shs.com.vn](mailto:nguyet.dta@shs.com.vn)

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.*

*SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)*